

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN 389 VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KHOÁNG SẢN 389 VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIETNAM 389 MINERAL GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: 389 MINERAL VN GROUP.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110551031

3. Ngày thành lập: 23/11/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 9A2, Tổ 40, Cụm 5 đường Xuân La, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0797339999

Fax:

Email: Hoangha389389@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy - Lắp đặt hệ thống camera giám sát (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	4329
2.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
3.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
4.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; Bán buôn rau, quả; Bán buôn cà phê; Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Bán buôn thực phẩm chức năng	4632
5.	Bán buôn đồ uống	4633
6.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
7.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
8.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
9.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ loại Nhà nước cấm)	4669
10.	Khai thác gỗ	0220
11.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
12.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
13.	Khai thác và thu gom than non	0520

14.	Khai thác khí đốt tự nhiên	0620
15.	Khai thác quặng sắt	0710
16.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ tổ chức hợp báo)	8230
17.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Trừ hoạt động đấu giá) Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa Nhượng quyền thương mại	8299
18.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
19.	Lập trình máy vi tính	6201
20.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
21.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
22.	Cổng thông tin (Trừ hoạt động báo chí)	6312
23.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu (Trừ tư vấn tài chính, kế toán, luật) Chi tiết: - Hoạt động tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, tài chính, hôn nhân có yếu tố nước ngoài) Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng (Trừ hoạt động ủy thác về đầu tư, kinh doanh tài chính, chứng khoán)	6619
24.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
25.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Tư vấn bất động sản - Môi giới bất động sản - Sàn giao dịch bất động sản - Quản lý bất động sản	6820
26.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng - Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng Tư vấn đấu thầu -Lập hồ sơ mời thầu -Tư vấn thiết kế, tư vấn thẩm định, tư vấn giám sát về phòng cháy và chữa cháy	7110

27.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
28.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
29.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
30.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
31.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (Trừ loại Nhà nước cấm)	0722
32.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
33.	Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu (Trừ loại Nhà nước cấm)	0899
34.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác Chi tiết: Khai thác khoáng sản (Trừ loại Nhà nước cấm)	0990(Chính)
35.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
36.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
37.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
38.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
39.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
40.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
41.	Sản xuất giấy nhấn, bìa nhấn, bao bì từ giấy và bìa	1702
42.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
43.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
44.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
45.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
46.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu (Trừ Nhà nước cấm) Chi tiết: - Sản xuất bột đá, đá mài hoặc đá đánh bóng và các sản phẩm tự nhiên, nhân tạo bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp (ví dụ giấy cát); - Sản xuất các sản phẩm từ asphalt và nguyên liệu tương tự, ví dụ chất dính asphalt, xỉ than; - Sợi các bon và graphite và các sản phẩm từ sợi các bon (trừ các thiết bị điện).	2399
47.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
48.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591

49.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Không bao gồm sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)	2599
50.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
51.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Trừ hóa lỏng khí để vận chuyển) Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
52.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
53.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
54.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ vận tải hàng hóa hàng không) Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan	5229
55.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt Chi tiết: Dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn bằng chế phẩm	8129
56.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
57.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
58.	Sản xuất điện	3511
59.	Thoát nước và xử lý nước thải (không hoạt động tại trụ sở)	3700
60.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
61.	Thu gom rác thải độc hại (Trừ các loại Nhà nước cấm)	3812
62.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
63.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
64.	Tái chế phế liệu	3830
65.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
66.	Xây dựng nhà để ở	4101
67.	Xây dựng nhà không để ở	4102
68.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
69.	Xây dựng công trình điện	4221
70.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
71.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
72.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
73.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
74.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
75.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
76.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752

77.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773
-----	--	------

6. **Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 2.000.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN THANH DUNG	Tổ 29, Cụm 4, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	600.000	6.000.000.000	30,000	0241850000 16	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	600.000	6.000.000.000	30,000		
2	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG	Số 9, Ngách 174/27 phố Mai Anh Tuấn, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	800.000	8.000.000.000	40,000	0010860158 70	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	800.000	8.000.000.000	40,000		

3	NGUYỄN VĂN CUÔNG	Thôn 4, Xã Chàng Sơn, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	600.000	6.000.000.000	30,000	001082024080
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	600.000	6.000.000.000	30,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 21/09/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001086015870

Ngày cấp: 05/04/2023

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 9, Ngách 174/27 phố Mai Anh Tuấn, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 9, Ngách 174/27 phố Mai Anh Tuấn, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội